

ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Năm học 2022 - 2023

STT	Tên trường	Quận	ĐIỂM NV1	ĐIỂM NV2	ĐIỂM NV3
1	THPT Trưng Vương	01	21	21.5	22
2	THPT Bùi Thị Xuân	01	22.25	22.5	23
3	THPT Ten Lơ Man	01	17.75	18.75	19
4	THPT Năng Khiếu TDTT	01	12	12.25	14.5
5	THPT Lương Thế Vinh	01	21	22	22.25
6	THPT Giồng Ông Tố	02	17.5	18	18.25
7	THPT Thủ Thiêm	02	13.75	14.25	15.5
8	THPT Lê Quý Đôn	03	22.25	22.5	23.5
9	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	03	23.25	23.5	23.75
10	THPT Lê Thị Hồng Gấm	03	13.5	14.25	15
11	THPT Marie Curie	03	19.5	20.25	20.5
12	THPT Nguyễn Thị Diệu	03	16	16.5	16.75
13	THPT Nguyễn Trãi	04	13	13.5	14
14	THPT Nguyễn Hữu Thọ	04	15	15.5	15.75
15	Trung học thực hành Sài Gòn	05	20.75	21.25	21.75
16	THPT Hùng Vương	05	18.25	18.5	18.75
17	Trung học Thực hành - ĐHSP	05	19.75	20.25	20.5
18	THPT Trần Khai Nguyên	05	20.25	21.25	22
19	THPT Trần Hữu Trang	05	14	14.5	15
20	THPT Mạc Đĩnh Chi	06	22.75	23.25	23.75
21	THPT Bình Phú	06	19.5	19.75	20
22	THPT Nguyễn Tất Thành	06	16.75	17	17.25
23	THPT Phạm Phú Thứ	06	15	15.25	15.5
24	THPT Lê Thánh Tôn	07	17	18	18.25
25	THPT Tân Phong	07	13.5	13.75	14.75
26	THPT Ngô Quyền	07	19.75	20.75	21.25
27	THPT Nam Sài Gòn	07	18.75	19	19.5
28	THPT Lương Văn Can	08	12	12.25	12.5
29	THPT Ngô Gia Tự	08	12.5	12.75	13.5
30	THPT Tạ Quang Bửu	08	15	15.5	15.75
31	THPT Nguyễn Văn Linh	08	10.5	10.75	11
32	THPT Võ Văn Kiệt	08	16	16.5	16.75
33	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	08	13	13.5	13.75
34	THPT Nguyễn Huệ	09	15.5	15.75	16
35	THPT Phước Long	09	16.75	17.25	17.75
36	THPT Long Trường	09	11	11.25	12.25
37	THPT Nguyễn Văn Tăng	09	10.75	11	11.5
38	THPT Dương Văn Thị	09	14	14.75	15

39	THPT Nguyễn Khuyến	10	17.5	18.25	18.5
40	THPT Nguyễn Du	10	20.5	21	21.25
41	THPT Nguyễn An Ninh	10	14.75	15	16
42	THCS-THPT Diên Hồng	10	14	15	15.5
43	THCS-THPT Sương Nguyệt Anh	10	13.75	14.25	15.5
44	THPT Nguyễn Hiền	11	18.5	18.75	19
45	THPT Trần Quang Khải	11	16	17	17.25
46	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11	16.75	16.25	16.5
47	THPT Võ Trường Toản	12	20.75	21.75	22
48	THPT Trường Chinh	12	17.75	18.25	18.5
49	THPT Thạnh Lộc	12	16	16.5	16.75
50	THPT Thanh Đa	Bình Thạnh	14.75	15.5	16.5
51	THPT Võ Thị Sáu	Bình Thạnh	19.75	20	21
52	THPT Gia Định	Bình Thạnh	23	23.5	23.75
53	THPT Phan Đăng Lưu	Bình Thạnh	14.5	15.5	16.5
54	THPT Trần Văn Giàu	Bình Thạnh	15.75	16.5	17
55	THPT Hoàng Hoa Thám	Bình Thạnh	18.5	18.75	19
56	THPT Gò Vấp	Gò Vấp	16.5	17.75	18
57	THPT Nguyễn Công Trứ	Gò Vấp	20	21.25	22
58	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	19.5	20	20.25
59	THPT Nguyễn Trung Trực	Gò Vấp	17	17.75	18
60	THPT Phú Nhuận	Phú Nhuận	22.5	23.5	23.75
61	THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	15.25	16	16.75
62	THPT Tân Bình	Tân Phú	19	20.25	21.25
63	THPT Nguyễn Chí Thanh	Tân Bình	20	20.5	20.75
64	THPT Trần Phú	Tân Phú	22.75	23	23.25
65	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	24.25	24.5	24.75
66	THPT Nguyễn Thái Bình	Tân Bình	17.75	18	18.25
67	THPT Nguyễn Hữu Huân	Thủ Đức	23.25	23.5	23.75
68	THPT Thủ Đức	Thủ Đức	20.5	20.5	20.75
69	THPT Tam Phú	Thủ Đức	17.25	17.5	17.75
70	THPT Hiệp Bình	Thủ Đức	14.5	14.75	15
71	THPT Đào Sơn Tây	Thủ Đức	12	12.5	13
72	THPT Linh Trung	Thủ Đức	14.5	14.75	15
73	THPT Bình Chiểu	Thủ Đức	12.5	13.25	14
74	THPT Bình Chánh	Bình Chánh	11	11.25	11.5
75	THPT Tân Túc	Bình Chánh	12	12.5	13
76	THPT Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	13.5	14	14.25
77	THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	Bình Chánh	11	11.25	11.5
78	THPT Phong Phú	Bình Chánh	10.5	10.75	11
79	THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	14	14.5	14.75
80	THPT Đa Phước	Bình Chánh	10.5	10.75	11
81	THCS và THPT Thanh An	Cần Giờ	10.5	10.75	11
82	THPT Bình Khánh	Cần Giờ	10.5	10.75	11
83	THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	10.5	10.75	11
84	THPT An Nghĩa	Cần Giờ	10.5	10.75	11
85	THPT Củ Chi	Củ Chi	15	15.25	15.75
86	THPT Quang Trung	Củ Chi	12	12.25	12.5

87	THPT An Nhơn Tây	Củ Chi	10.5	10.75	11
88	THPT Trung Phú	Củ Chi	12.75	13	13.5
89	THPT Trung Lập	Củ Chi	10.5	10.75	11
90	THPT Phú Hòa	Củ Chi	12	12.25	12.5
91	THPT Tân Thông Hội	Củ Chi	13	13.75	14
92	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Hóc Môn	22	22.25	22.5
93	THPT Lý Thường Kiệt	Hóc Môn	19	20	20.25
94	THPT Bà Điểm	Hóc Môn	17.75	18	18.5
95	THPT Nguyễn Văn Cừ	Hóc Môn	14.5	14.75	15
96	THPT Nguyễn Hữu Tiến	Hóc Môn	17	17.25	17.5
97	THPT Phạm Văn Sáng	Hóc Môn	15.5	16.25	16.75
98	THPT Tân Hiệp	Hóc Môn	15	16	16.25
99	THPT Long Thới	Nhà Bè	12.75	13	13.25
100	THPT Phước Kiển	Nhà Bè	12	12.25	12.75
101	THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	13	13.25	13.5
102	THPT Tây Thạnh	Tân Phú	21	22.25	23
103	THPT Lê Trọng Tấn	Tân Phú	19	19.25	19.5
104	THPT Vĩnh Lộc	Bình Tân	16.25	16.75	17
105	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Bình Tân	17.5	17.75	18.25
106	THPT Bình Hưng Hòa	Bình Tân	17.25	18	18.5
107	THPT Bình Tân	Bình Tân	14.5	15	15.75
108	THPT An Lạc	Bình Tân	15	15.5	15.75